

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Huyền Tr, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Ấp Ch, xã H, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn S, sinh năm 1993, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Khóm Minh Th, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Huyền Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2019 chị và anh Trương Văn S xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến

ngày 22/9/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi lẫn nhau dẫn đến vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn S.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trương Phát Đ, sinh này 06/6/2020 hiện đang sống chung với chị Tr; chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

- *Về cấp dưỡng*: Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021 chị Tr yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; quá trình giải quyết vụ án chị Tr rút toàn bộ yêu cầu này, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn S vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Võ Thị Huyền Tr giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn S; về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn S dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh S; về con chung tên Trương Phát Đ, sinh này 06/6/2020 giao cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ phải thu, phải trả: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Võ Thị Huyền Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản Kiến Nghị: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn và xin được quyền nuôi con, về tài sản và nợ phải thu, phải trả không yêu cầu giải quyết. Anh S không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh S có địa chỉ cư trú tại Khóm Minh Th, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn S được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn S theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Huyền Tr:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Tr và anh S xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Tr và anh S đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị Tr và anh S là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Trang khai nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi lẫn nhau anh S bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ ngày 22/9/2020 cho đến nay.

Anh Trương Văn S không có lời trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn.

Sau khi thụ lý hồ sơ Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị có cơ hội hàn gắn lại với nhau để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh S đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị Tr vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét chị Tr và anh S không có thiện chí hàn gắn, không còn quan tâm đến nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay, nên việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng không có kết quả, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Tr và anh S chung sống với nhau có 01 con chung tên Trương Phát Đ, sinh này 06/6/2020. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và đảm bảo phát triển tốt về

mọi mặt của các con. Hơn nữa, cháu Đ còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định. “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do đó, Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị Tr là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Tr không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.4] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trang phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Võ Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Trương Văn S.

2. *Về con chung*: Chị Võ Thị Huyền Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Phát Đ, sinh ngày 06/6/2020.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Tr không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Buộc chị Võ Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Tr đã nộp theo biên lai số 0004323 ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Mai